BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																								
Thứ 2 11/09	Sáng	1	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()		Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)				Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)				
		2	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)																Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)							
		3	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.403)																Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.406)				
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)							
		5											Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)						Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)							
	Chiều	6			Lập trình điều khiển hệ thống sản xuất Trần Văn Kiên ()										Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)							Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								
Thứ 3 12/09	Sáng	1	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()		Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)				Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.304)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)				
		2											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)							Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)				
		3	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)						
		4	Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.307)										Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)					Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)				
		5		Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)																						
	Chiều	6			Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.104)							Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								
Thứ 4 13/09	Sáng	1	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.403)			Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)				Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.406)				
		2	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)																		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)				
		3		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)												Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.104)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.202)						
		4	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)												Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)		Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)				
		5																		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)						
	Chiều	6			Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)					Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)													Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																								
Thứ 5 14/09	Sáng	1	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)			Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)				Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Văn (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)				
		2																								
		3											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.104)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)								
		4																								
		5																								
	Chiều	6			Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()																					Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								
Thứ 6 15/09	Sáng	1			Lập trình điều khiển hệ thống sản xuất Trần Văn Kiên ()		Phát triển các chương trình cấu trúc để điều khiển các thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)					Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)			Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()	Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()		
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6			Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()								Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)		Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)									
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								
Thứ 7 16/09	Sáng	1																					Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()	Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()		
		2																								
		3																								
		4																								
		5																								
	Chiều	6																								
		7																								
		8																								
		9																								
		10																								

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 11/09	Sáng	1			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)					Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)
		2				Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)																					
		3			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.306)								Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.306)
		4				Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)							Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)			Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)									
		5			Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)										Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)								Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)
	Chiều	6																									
		7	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lưu Quang Hưng (H6.202.TH. PLC)						Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()		Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)				Thực hiện các nghiệp vụ tổng hợp Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)					LĐ		Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()	
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 3 12/09	Sáng	1			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)		Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()			Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)
		2												Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)				Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)									
		3			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)							Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)						Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)
		4			Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)			Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)
		5																									
	Chiều	6																									
		7	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lưu Quang Hưng (H6.202.TH. PLC)						Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()		Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)				Sử dụng tin học và phần mềm kế toán Trần Việt Anh (H3.207_Khoa SP-KT)							Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()	
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 13/09	Sáng	1			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)	Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()			Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)
		2			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)							Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)				Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)										Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)
		3			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.306)								Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.202)		Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.306)
		4				Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)																	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)			
		5											Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)										
	Chiều	6																									
		7	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)							Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()		Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)				Thực hiện các nghiệp vụ tổng hợp Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)						LĐ			
		8																									
		9																									
		10																									

LỚP			61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 14/09	Sáng	1			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)
		2												Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)				Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()			Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Sử dụng tin học và phần mềm kế toán Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)						Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)		Bảo đảm an toàn dữ liệu Nguyễn Tuấn Mạnh ()	
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 6 15/09	Sáng	1								Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()			Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường ()										LĐ
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()				Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			PLC cơ bản Lê Kiên Cường ()	Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)							Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)		Bảo đảm an toàn dữ liệu Nguyễn Tuấn Mạnh ()	
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 16/09	Sáng	1																									
		2					Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường ()										
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6								Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()					PLC cơ bản Lê Kiên Cường ()										
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 11/09	Sáng	1	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X23.302.Phòng học Máy điện)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) Kim Thị Thương (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)
		2		Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)																				
		3						Hóa học 5 Nguyễn Thị Trang (H5.303)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																	
		4		Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)																Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)			
		5		Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)				Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)											Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)				Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)		
	Chiều	6			Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)				Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.208.Phòng học PLC)					Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.102)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)
		7																									
		8																									
		9																				Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)				Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)
		10																									
Thứ 3 12/09	Sáng	1	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.304)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)		Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X23.302.Phòng học Máy điện)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) Kim Thị Thương (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)
		2							Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)											Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)			
		3	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.301)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)			
		4		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																	
		5																									
	Chiều	6			Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)					Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.208.Phòng học PLC)			Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 13/09	Sáng	1	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)		Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)		Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X23.302.Phòng học Máy điện)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)
		2																									
		3		Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)																	
		4			Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)																				
		5																									
	Chiều	6	Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)					Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.208.Phòng học PLC)					Kế toán máy Trần Việt Anh ()				Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)
		7																								Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	
		8																				Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)
		9																								Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	
		10																									

LỚP			61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 14/09	Sáng	1	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)		Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Máy điện Lê Trung Thịnh (X23.302.Phòng học Máy điện)			Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)
		2							Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																	
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)			Bảng tính điện tử Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)			Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)						Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)
		7																									
		8																				Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)					Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)
		9																								Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)	
		10																									
Thứ 6 15/09	Sáng	1		Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)			Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)		Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	
		2																					Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)			
		3																									
		4																					Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	
		5																									
	Chiều	6		Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Bảng tính điện tử Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)		Bảng tính điện tử Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)	Trang bị điện Phạm Quang Thắng (X23.208.Phòng học PLC)					Kế toán máy Trần Việt Anh ()				Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Máy điện Lê Trung Thịnh (X23.302.Phòng học Máy điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)			Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) Kim Thị Thương (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 16/09	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 11/09	Sáng	1		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)								Máy điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (H3.108.TH LĐĐ)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)				Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)										Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)								Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành ()	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)		
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 3 12/09	Sáng	1	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Đoàn Mạnh Hà ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Máy điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (H3.108.TH LĐĐ)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)				Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)											PLC cơ bản Lê Kiên Cường ()									Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)	
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 13/09	Sáng	1	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Đoàn Mạnh Hà ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Máy điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (H3.108.TH LĐĐ)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)				Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.03_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)	Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành ()	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	
		7															Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)				Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)					
		8		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	
		9		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)								Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)				Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.203)	
		10																									

LỚP			62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 14/09	Sáng	1	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Máy điện Lê Thị Thanh Tâm ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH_ĐTCS-KTCB)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (H3.108.TH LĐĐ)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)						
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)				Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		
		7													Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)								
		8		Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)										Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)				Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)		
		9		Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)							
		10													Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)				Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)						Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)		
Thứ 6 15/09	Sáng	1	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Đoàn Mạnh Hà ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Máy điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.302.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)			Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)							Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()		Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		7				Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.201)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.201)																				
		8		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)										Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)				Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)		
		9		Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)									Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)						
		10		Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)										Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)		
Thứ 7 16/09	Sáng	1	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()							Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Đoàn Mạnh Hà ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()						Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()				Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()				Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()				Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 11/09	Sáng	1	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.205)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)				Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học văn phòng Phùng Thị Minh Phương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N01) Phạm Văn Úc (Tầng hầm X.23) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N05) Quách Hữu Việt (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)		Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)						
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)				Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương ()				Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)				Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.402)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	
		7																					Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)		Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	
		8																									
		9																					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	
		10																						Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	
Thứ 3 12/09	Sáng	1	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.205)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)				Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học văn phòng Phùng Thị Minh Phương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N01) Phạm Văn Úc (Tầng hầm X.23) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N05) Quách Hữu Việt (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)		Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)			Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)				Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng ()											Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	
		7																					Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			
		8																							Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	
		9																					Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)		Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	
		10																									
Thứ 4 13/09	Sáng	1	Thuế Trần Việt Anh (H3.205)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)			Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Xưởng TH Cơ giới)		Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)					Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N01) Phạm Văn Úc (Tầng hầm X.23) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N05) Quách Hữu Việt (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng ()	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.302)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)		
		7			Vật lý 3 Chu Thị Tỉnh (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 3 Chu Thị Tỉnh (H5.404)							Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)								
		8	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.204)									Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)			Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)		
		9	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.203)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)			Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		
		10																									

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 14/09	Sáng	1	Thuế Trần Việt Anh (H3.205)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)			Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt (Bãi TH_Khoa Cơ giới)								Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)			Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Văn Trình ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()			Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	
		7			Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)					Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.406)					Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.406)							
		8	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.303)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)					
		9	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.404)			Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuý (H5.404)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)					
		10			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)					Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)						Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)											
Thứ 6 15/09	Sáng	1		Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Xưởng TH Cơ giới)							Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N01) Phạm Văn Úc (Tầng hầm X.23) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N05) Quách Hữu Việt (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)				Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	
		2																									
		3																					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	
		4																					Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	
		5																									
	Chiều	6	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Văn Trình ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng ()	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		
		7	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)											Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)			Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)						
		8	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)					
		9	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.306)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)					
		10																									
Thứ 7 16/09	Sáng	1				Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)																			
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)															Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	
		7																					Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)		Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	
		8																									
		9																					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	
		10																							Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 06: Từ 11/09 Đến 17/09/2023

LỚP			63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 11/09	Sáng	1											Tin học Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)														
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6					Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7					Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)				Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)						Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)						Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		8						Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)			Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)				Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)				Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)			Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		10								Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)					Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)					Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)
Thứ 3 12/09	Sáng	1					Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)					Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.206_Khoa SP-KT)			Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)												
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.403)				Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7					Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)						Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)											Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				
		8								Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)
		9					Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)		VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)		VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)		Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
		10	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)												Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)								Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
Thứ 4 13/09	Sáng	1	Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)			Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.208_Khoa SP-KT)				Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Chu Văn Quang; Nguyễn Văn Thành (HỘI TRƯỜNG)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H5.101)		An toàn và môi trường Trương Thị Thanh Huyền (H5.401)		An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H5.402)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.205)	Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.207_Khoa SP-KT)	Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)				Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)			An toàn và môi trường Trương Thị Thanh Huyền (H3.106)		An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H2.302_TH QTM)
		7																									
		8						Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)					Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)											
		9												Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)											
		10																									

LỚP			63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 14/09	Sáng	1	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)			Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)					Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)			Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H5.101)		An toàn và môi trường Trương Thị Thanh Huyền (H3.105)		An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H5.402)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)				Kinh tế vĩ mô Trần Văn Hội (H3.208_Khoa SP-KT)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.205)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.106)	Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền ()		Toán 1 Nguyễn Thị Huyền ()		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)			Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.105)		An toàn và môi trường Trương Thị Thanh Huyền (H5.402)		An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H2.302_TH QTM)
		7																									
		8	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)																								
		9																									
		10																									
Thứ 6 15/09	Sáng	1	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Giáo dục quốc phòng - An ninh Nguyễn Văn Thành; Chu Văn Quang (HỘI TRƯỜNG)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		2																Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)						Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	
		3					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		4											Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)											Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)			
		5	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)							Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
	Chiều	6	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)				Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Kinh tế vĩ mô Trần Văn Hội (H3.208_Khoa SP-KT)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.205)			Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)		Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)										
		7																									
		8												Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)											
		9	Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)																								
		10																									
Thứ 7 16/09	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6					Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)			Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7					Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)				Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)						Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)						Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		8								Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)			Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)					Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)			Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		10								Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)					Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)					Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)